

Số: /QĐ-TTYT

Chợ Mới, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan,
đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-SYT ngày 18/01/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-SYT ngày 08/11/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc cấp bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai cấp bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2024, trong đó:

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 thực hiện;
- BGD TTYT;
- Phòng HCTH +KT(Nhung);
- Phòng KHNH (CK trên Công TTDT);
- Lưu: VT, KT(Nhung).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Đại

Biểu số 02 - Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Bộ trưởng BTC
 Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới
 Chương: 423

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-TTYT ngày /11/2024 của TTYT Chợ Mới)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số tiền
01	02
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	561,550,000
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (423.070)	
2. Quản lý hành chính (423.340.341)	0
2.1. Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (423.130)	561,550,000
3.1. Hoạt động Y tế dự phòng (423.130.131)	457,847,644
3.1.1. Kinh phí thường xuyên hệ Dự phòng	0
3.1.2. Kinh phí thường xuyên hệ xã, phường	254,051,644
3.1.3. Kinh phí không thường xuyên	203,796,000
3.2. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132)	0
3.2.1. Kinh phí thường xuyên	0
3.2.2. Kinh phí không thường xuyên	0
3.3. Hoạt động Y tế khác (423.130.139)	0
3.3.1. Kinh phí thường xuyên	0
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên	0
3.4. Hoạt động Dân số (423.130.151)	103,702,356
3.4.1. Kinh phí thường xuyên	103,702,356
3.4.2. Kinh phí không thường xuyên	0

